

Năm 2026 Tháng 4・Tháng 10 Tuyển Sinh Thông Tin



学校法人
瓶井学園

瓶井学園日本語学校京都校

KAMEI GAKUEN JAPANESE LANGUAGE SCHOOL KYOTO

〒607-8211 京都府京都市山科区勧修寺東栗栖野町83
83 Kanshuji Higashikurisuno-cho, Yamashina-ku, Kyoto, Japan
☎ 075-205-5374 ✉ info@kamei.ac.jp
HP : <https://nihongo.nrj.ac.jp/>

I Các Khoá Tuyển Sinh

Thời điểm nhập học	Khoá học	Thời gian học	Số lượng tuyển	Thời gian học	対象
Tháng 4	Khoá học dự bị 2 năm	2 năm	80 người	5 ngày/tuần (Thứ Hai ~ Thứ Sáu) Buổi sáng: 9:05 ~ 13:10 Buổi chiều: 13:40 ~ 17:45	Áp dụng cho những học sinh có nguyện vọng học tiếp lên các cơ sở giáo dục bậc cao của Nhật Bản (như đại học, trường chuyên môn, v.v.).
Tháng 10	Khoá học dự bị 1 năm rưỡi (1.5 năm)	1 năm 6 tháng	40 người	* Các lớp học tiếng Nhật được tổ chức theo hai ca: buổi sáng và buổi chiều. Việc phân lớp sẽ được quyết định sau khi làm bài kiểm tra xếp lớp sau khi nhập học.	

II Điều kiện nộp hồ sơ

- 1 Người đã hoàn thành từ 12 năm học phổ thông hoặc chương trình tương đương ở nước ngoài, và đủ 18 tuổi trở lên trong năm nhập học. (Ưu tiên những người tốt nghiệp không quá 5 năm)
- 2 Người có ý chí học tập mạnh mẽ và có mục tiêu rõ ràng.
- 3 **Khoá học dự bị 2 năm:** Người có thể chứng minh năng lực tiếng Nhật tương đương JLPT N5 hoặc A1 theo “Khung tham chiếu giáo dục tiếng Nhật”, hoặc đã hoàn thành **150 giờ học tiếng Nhật** tại trường học hay cơ sở giáo dục ngôn ngữ trước thời điểm nộp hồ sơ. **Khoá học dự bị 1.5 năm:** Người có thể chứng minh năng lực tiếng Nhật tương đương JLPT N4 hoặc A2 theo “Khung tham chiếu giáo dục tiếng Nhật” .
- 4 Ưu tiên những người có gia đình có điều kiện kinh tế tốt và đủ khả năng hỗ trợ chi phí du học.

III Phương thức tuyển chọn

Dựa trên kết quả xét duyệt hồ sơ, nhà trường sẽ tiến hành phỏng vấn trực tiếp hoặc phỏng vấn qua Internet.

IV Thủ tục nộp hồ sơ

1 Thời gian nộp hồ sơ

Nạp học tháng 4 Năm trước: Từ tháng 09 đến cuối tháng 10

Nạp học tháng 10 Trong năm: Từ tháng 03 đến cuối tháng 04

2 Cách thức nộp hồ sơ

Trong thời gian nộp hồ sơ, vui lòng nộp đầy đủ các giấy tờ cần thiết trực tiếp tại trường hoặc gửi qua đường bưu điện, do chính người nộp đơn hoặc người đại diện thực hiện.

3 Hồ sơ cần nộp

Hồ sơ do chính người nộp đơn phải nộp		
1	Đơn xin nhập học 【Bản gốc】	Chữ ký viết tay của chính người nộp đơn
2	Lý do du học Nhật Bản 【Bản gốc】	Nộp bản trình bày cụ thể về lý do học tiếng Nhật và định hướng sau khi tốt nghiệp.
3	Giấy cam kết 【Bản gốc】	Chữ ký viết tay của chính người nộp đơn
4	Bảng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp của bậc học cuối cùng 【Bản gốc】	
5	Giấy chứng nhận đang theo học / Giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp 【Bản gốc】	(Chỉ dành cho người thuộc diện áp dụng)
6	Bảng điểm của bậc học cuối cùng 【Bản gốc】	Kết quả học tập từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp
7	Giấy chứng nhận đang làm việc / Giấy chứng nhận nghỉ việc 【Bản gốc】	(Chỉ dành cho người thuộc diện áp dụng) * Những người có khoảng trống từ 6 tháng trở lên trong quá trình học tập hoặc kinh nghiệm làm việc phải trình bày lý do vào một bản riêng.
8	Tài liệu chứng minh năng lực tiếng Nhật 【Bản gốc】	Giấy chứng nhận đỗ kỳ thi năng lực tiếng Nhật và bảng điểm, hoặc giấy chứng nhận đã học tiếng Nhật (trong đó ghi rõ địa chỉ và thông tin liên hệ của cơ sở đào tạo, thời gian học cụ thể, số giờ học mỗi tuần và tổng số giờ đã học đến hiện tại).
9	Giấy chứng nhận không mắc bệnh lao	(Chỉ dành cho người thuộc diện áp dụng) (Bản sao) “Giấy chứng nhận không mắc bệnh lao” phải do cơ sở y tế ở nước ngoài được chính phủ Nhật Bản chỉ định cấp.
10	Ảnh (4 cm × 3 cm)	6 tấm (chụp trong vòng 3 tháng gần đây, chụp chính diện, không đội mũ, không phong nền)
11	Hộ chiếu	Trang ảnh chân dung và trang đóng dấu xuất nhập cảnh Nhật Bản (Bản sao)

Hồ sơ do người bảo lãnh tài chính nộp		
1	Giấy cam kết bảo lãnh tài chính 【Bản gốc】	Ghi rõ chi tiết quá trình và phương thức bảo lãnh tài chính (kèm chữ ký viết tay của người bảo lãnh tài chính).
2	Giấy chứng minh nhân thân (Bản sao)	
3	Giấy chứng nhận liên quan đến nghề nghiệp 【Bản gốc】	Giấy chứng nhận đang làm việc (trong đó ghi rõ địa chỉ, số điện thoại nơi làm việc, chức vụ, thời gian làm việc, v.v.) Trường hợp là chủ kinh doanh cá nhân, nộp kèm “Giấy phép kinh doanh” (Bản sao).
4	Giấy chứng nhận thu nhập và thuế 【Bản gốc】	Giấy chứng nhận thu nhập và giấy chứng nhận nộp thuế của 1 năm gần nhất Do cơ quan thuế hoặc chính quyền địa phương cấp, hoặc do nơi làm việc phát hành.
5	Giấy chứng nhận số dư tài khoản	Mang tên của người bảo lãnh tài chính (số tiền tương đương 3.000.000

	ngân hàng 【Bản gốc】	yên)
6	Tài liệu giải trình về nguồn gốc hình thành tài chính	Trường hợp không thể nộp bản sao kê giao dịch, phải nộp các tài liệu chứng minh nguồn gốc hình thành tài chính.
7	Tài liệu chứng minh mối quan hệ giữa người bảo lãnh tài chính và người nộp đơn	Các giấy tờ do cơ quan nhà nước cấp như bản sao hộ tịch, giấy khai sinh, giấy chứng nhận gia đình... Trường hợp người bảo lãnh tài chính không phải là cha mẹ, cần nộp bản giải trình riêng về lý do và hoàn cảnh dẫn đến việc nhận bảo lãnh tài chính.

* Trường hợp người bảo lãnh tài chính đang cư trú tại Nhật Bản

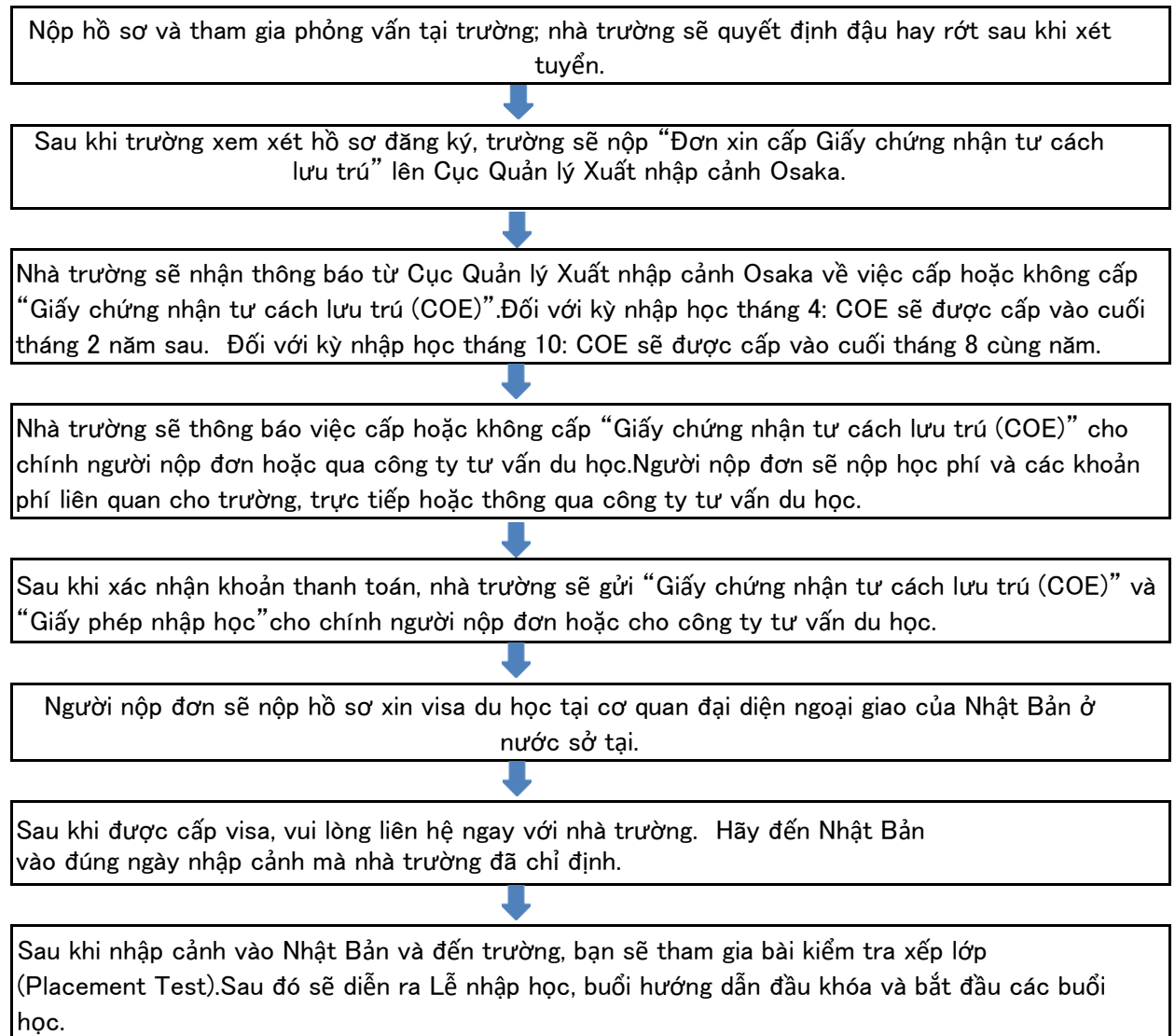
- ① Giấy chứng nhận nộp thuế (trong đó có ghi rõ thu nhập do cơ quan hành chính cấp)
- ② Giấy chứng nhận cư trú (trong đó ghi đầy đủ thông tin của tất cả các thành viên trong cùng một hộ).
Đối với người nước ngoài đang cư trú tại Nhật Bản, cần nộp thêm bản sao “Thẻ lưu trú”.
- ③ Tài liệu chứng minh mối quan hệ với người nộp đơn (như hộ tịch, đăng ký cư trú, giấy xác nhận quan hệ họ hàng... tại nước sở tại)

4 Lưu ý liên quan đến hồ sơ nộp đơn

- (1) Đơn xin nhập học, giấy bảo lãnh tài chính và giấy cam kết phải sử dụng theo mẫu do nhà trường quy định.
- (2) Đối với các giấy tờ được cấp bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật, vui lòng đính kèm bản dịch sang tiếng Nhật và nộp cùng hồ sơ.
Trong bản dịch, vui lòng ghi rõ họ tên người dịch, đơn vị công tác và thông tin liên hệ.
- (3) Các loại giấy tờ chứng nhận phải được cấp trong vòng 3 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- (4) Đối với các giấy tờ nộp dưới dạng bản sao, vui lòng photo trên giấy khổ A4 (được phép thu nhỏ).
- (5) Nếu trước đây bạn đã từng nộp đơn xin “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú”, vui lòng thông báo trước cho nhà trường.
- (6) Nếu sau này phát hiện bất kỳ thông tin sai sự thật nào trong hồ sơ nộp, tư cách nhập học sẽ bị hủy ngay lập tức.
- (7) Nếu hồ sơ nộp có thiếu sót (thiếu giấy tờ, thiếu thông tin cần ghi, thiếu dấu xác nhận, v.v.) thì hồ sơ sẽ không được tiếp nhận, nên vui lòng chú ý.
- (8) Trong một số trường hợp, nhà trường có thể yêu cầu bổ sung “các tài liệu tham khảo khác” khi cần thiết.
- (9) Sau khi Cục Quản lý Xuất nhập cảnh xem xét hồ sơ, các giấy tờ sẽ không được hoàn trả lại, ngoại trừ bản gốc như bằng tốt nghiệp. Nếu bạn muốn được hoàn trả, vui lòng thông báo ngay khi nộp hồ sơ.

- (10) Người bảo lãnh tài chính sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về học phí, chi phí sinh hoạt của người nộp đơn trong suốt thời gian theo học, cũng như các vấn đề liên quan đến việc học tiếp hoặc các vấn đề cá nhân khác.

Quy trình từ nộp hồ sơ đến nhập học



VI Học phí

Mục	Số tiền	Hạn nộp
Lệ phí xét tuyển	20,000円	Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE), vui lòng nộp các khoản phí trong thời hạn do nhà trường quy định.
Phí nhập học	60,000円	
Học phí cả năm	660,000円	
Chi phí giáo trình (1 năm)	20,000円	
Chi phí hoạt động ngoại khóa (1 năm)	20,000円	
Chi phí phúc lợi sinh viên (1 năm) * Ghi chú	16,000円	
Tổng chi phí năm đầu	796,000円	

Về các khoản chi phí

- Khi nhập cảnh, phí đón tại Sân bay Kansai của cơ sở Kyoto là 6.000 yên và cần nộp riêng.
- Chi phí tiệc tốt nghiệp và kỷ yếu tốt nghiệp là 21.400 yên, cần nộp riêng.
- Phí chuyển khoản ngân hàng vui lòng do người chuyển tiền tự chi trả.

Ghi chú

Trong phí phúc lợi sinh viên (bao gồm 12.300 yên phí bảo hiểm và 3.700 yên phí quản lý sức khỏe) đã bao gồm phí bảo hiểm bồi thường tai nạn tổng hợp.

Đây là loại bảo hiểm giúp du học sinh yên tâm trong quá trình sinh hoạt và học tập tại Nhật Bản.

* “Bảo hiểm Y tế Quốc dân”

Người nước ngoài lưu trú tại Nhật Bản từ 3 tháng trở lên bắt buộc phải tham gia bảo hiểm này. 70% chi phí khám chữa bệnh sẽ do bảo hiểm chi trả, và 30% còn lại do cá nhân tự chi trả. Đối với du học sinh, phí bảo hiểm trong 1 năm khoảng 22.000 yên.

Quy định hoàn trả học phí

Trước khi nhập học: Đối với kỳ tháng 4 — đến ngày 31 tháng 3

Đối với kỳ tháng 10 — đến ngày 30 tháng 9

- 1 Trường hợp rút hồ sơ trước khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú hoặc trường hợp không được cấp, nhà trường sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã nộp, trừ lệ phí xét tuyển.
 - 2 Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú, nếu hủy mà không nộp hồ sơ xin visa, hoặc đã nộp nhưng không được cấp visa, nhà trường sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã nộp, trừ lệ phí xét tuyển.
 - 3 Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú và đã được cấp visa nhập cảnh, nếu bạn từ chối nhập học, nhà trường sẽ hoàn trả các khoản đã nộp, ngoại trừ lệ phí xét tuyển và phí nhập học.
- * Vui lòng gửi lại cho nhà trường bản sao Giấy chứng nhận tư cách lưu trú hoặc hộ chiếu có đóng dấu từ chối visa, cùng với Giấy phép nhập học. Sau khi xác nhận bản gốc, nhà trường sẽ tiến hành hoàn tiền. Chi phí chuyển khoản khi hoàn tiền sẽ do người nộp đơn tự chi trả.
- 4 Việc hoàn trả học phí và các khoản đã nộp sau khi nhập học sẽ được xử lý theo quy định hoàn phí của nhà trường.

VII Khác

1 Chi phí sinh hoạt tại Nhật Bản

- (1) Ngoài học phí, chi phí sinh hoạt trung bình (bao gồm cả ký túc xá) khoảng 80.000 yên mỗi tháng.
- (2) Việc trang trải toàn bộ chi phí sinh hoạt bằng thu nhập từ làm thêm là rất khó do phải cân bằng với việc học, vì vậy cần chuẩn bị đầy đủ tài chính trước.
- (3) Khi đến Nhật, vui lòng mang theo khoảng 250.000 yên để đóng tiền ký túc xá 6 tháng và phí làm thủ tục nhập ký túc xá (chỉ đối với người vào ký túc xá).

2 Việc làm thêm

Tư cách lưu trú “Du học” về nguyên tắc là không được phép làm thêm. Do đó, nếu du học sinh muốn làm thêm trong thời gian rảnh sau giờ học, cần phải xin “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” từ Cục Quản lý Xuất nhập cảnh. Sau khi được cấp phép, có thể làm thêm tối đa 28 giờ mỗi tuần. (Tham khảo: Thu nhập làm thêm khoảng 80.000–110.000 yên/tháng)

3 Chỗ ở

- (1) Để giúp sinh viên yên tâm và tập trung học tập, nhà trường cung cấp ký túc xá.
- Nếu vào ở ký túc xá, nguyên tắc là phải ở tối thiểu 6 tháng.
- Nếu rời ký túc xá trong vòng 6 tháng kể từ ngày vào ở, sẽ không được hoàn lại tiền ký túc xá.
- (2) Về chi phí ký túc xá, khi làm thủ tục nhập ký túc xá, bạn cần nộp tiền thuê phòng cho 6 tháng và phí xử lý thủ tục.

4 Ký túc xá sinh viên

Tên ký túc xá	Tiền thuê phòng / tháng	※Loại phòng	Phòng tắm vòi sen	Nhà vệ sinh	Tủ lạnh trong bếp	Máy giặt	Ghi chú
Ký túc xá nữ	20,000~22,000円	●	Dùng chung	Dùng chung	Dùng chung	Dùng chung	• Bàn để đồ, máy điều hòa • Giường ngủ (chỉ một phần ở ký túc xá nữ và ký túc xá nam tòa B) • Đã bao gồm phí Internet và phí nước • Tiền điện và gas do sinh viên tự chi trả theo thực tế sử dụng
Ký túc xá nam – Tòa A	19,000円	●	Dùng chung	Dùng chung	Dùng chung	Dùng chung	
Ký túc xá nam – Tòa B	22,000~28,000円	●・○	Dùng chung	Dùng chung	Dùng chung	Dùng chung	

※Loại phòng: ○ Phòng riêng (nhà ở chung), ● Phòng ở ghép